TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:299/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2022
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ Ồ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà Đỗ Thị A

2/ Ông Nguyễn Xuân Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân Quận 10, số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/01/2021, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXX-ST ngày 05/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/5/2022 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Địa chỉ: 246/33-35 đường N, Phường 8, Quận X, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: 127C đường H, Phường 12, Quận X, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2021, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Bà Mai Thị T trình bày:

Bà T và ông P tự nguyện chung sống từ năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình theo giấy chứng nhận kết hôn số 54-2010 ngày 13/10/2010.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống được một thời gian khá hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông P không quan tâm đến gia đình, thường xuyên gây gỗ nhau. Mâu thuẫn bắt đầu trầm trọng hơn khi ông P thường xuyên kiếm chuyện và to tiếng với Bà T. Bản thân Bà T nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả. Do vợ chồng không còn tình cảm nên Bà T đã sống ly thân từ năm 2020. Nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích nôn nhân không đạt được nên Bà T xin được ly hôn với ông P

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thế A sinh ngày 23/6/2011 và Nguyễn Mai Phương A1 sinh ngày 27/10/2015. Khi ly hôn Bà T xin được nuôi con và cấp dưỡng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có không yêu cầu toà án giải quyết.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn P vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số hôn số 54-2010 ngày 13/10/2010 của Ủy ban nhân dân xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông Nguyễn Văn P và Bà Mai Thị T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay Bà T yêu cầu ly hôn là tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Ông P hiện đang cư trú tại địa chỉ 127C Hòa Hưng, Phường 12, Quận X, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn Ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Xét đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn Bà Mai Thị T là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của Bà T, Hội đồng xét xử xét thấy :

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do vậy Tòa căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn để giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai và các biên bản không tiến hành hòa giải được, Bà T trình bày, vợ chồng sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân. Nguyên nhân là do Ông P không quan tâm đến cuộc sống gia đình, thường xuyên to tiếng dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng rất nặng nề. Bản thân Bà T đã đã được gia đình động viên hàn gắn nên cứ kéo dài tình trạng tiếp tục đời sống vợ chồng. Đến nay, ông P vẫn không thay đổi mà đời sống chung ngày càng trầm trọng nên Bà T vẫn giữ nguyên mong muốn được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án ông P không tham gia hòa giải cho thấy bản thân ông P cũng không thiết tha đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nay Bà T xin ly hôn Ông P là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thế A sinh ngày 23/6/2011 và Nguyễn Mai Phương A1 sinh ngày 27/10/2015. Xét yêu cầu của Bà T xin được nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào tờ trình bày nguyện vọng của trẻ Phương Anh và trẻ Thế Anh mong muốn được ở với mẹ cũng như hiện tại các trẻ đang được Bà T chăm sóc, giáo dục. Do đó, việc giao trẻ Phương Anh và trẻ Thế Anh cho Bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quyền lợi và nguyện vọng của trẻ nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên Tòa không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 5, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Về quan hệ vợ chồng: Bà Mai Thị T được ly hôn Ông Nguyễn Văn P.

Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thế A sinh ngày 23/6/2011 và Nguyễn Mai Phương A1 sinh ngày 27/10/2015 cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng viêc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Bà T chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0049943 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố H. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ đối với Bà T và Ông P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND xã xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Nhàn